

TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU KH&CN QUỐC GIA

KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC KINH TẾ TRI THỨC

TẬP II

VDC Media – 2001

MỤC LỤC

XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	2
KINH TẾ TRI THỨC VÀ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGƯỜI.....	14
VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CƠ BẢN TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC	27
CHỖ MẠNH, CHỖ YẾU TRONG TÂM LÝ CON NGƯỜI VIỆT NAM KHI ĐI VÀO THỜI ĐẠI VĂN MINH TRÍ TUỆ	38
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC.....	44
CÔNG NGHỆ SINH HỌC VIỆT NAM – THỰC TRẠNG, TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP.....	66
ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC VIỆT NAM VÀO NỀN KINH TẾ TRI THỨC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.....	76
KINH TẾ TRI THỨC – VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP.....	93
NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM.....	103
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ – MỘT ĐIỀU KIỆN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM	113
ẢNH HƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM.....	129
LƯỢC GHI CÁC Ý KIẾN THẢO LUẬN TẠI HỘI TRƯỜNG	138
PHÁT BIỂU KẾT THÚC HỘI THẢO.....	166

XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PGS. TS. VÕ ĐẠI LỢC
Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới,
Trung tâm KHXH & NV Quốc gia

Trong giai đoạn hiện nay, cũng như trong một tương lai xa hơn hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam có nghĩa là Việt Nam phải tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực như AFTA, APEC, WTO...; phát triển các quan hệ thương mại và đầu tư rộng rãi với mọi quốc gia, đặc biệt là các trung tâm kinh tế thế giới; mở rộng sự hợp tác với các công ty xuyên quốc gia. Phát triển các mối quan hệ này sẽ dẫn đến một kết cục là: các hàng rào thuế quan và phi thuế quan phải giảm thiểu theo các nguyên tắc của các tổ chức trên; các công ty nước ngoài được phép vào Việt Nam hoạt động một cách bình đẳng với các công ty Việt Nam và ngược lại các công ty Việt Nam cũng được phép hoạt động bình đẳng tại các nước đối tác. Trong điều kiện đó việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ nên được hiểu như thế nào là thích hợp.

Nền kinh tế độc lập tự chủ đã được hiểu một cách khác nhau qua các giai đoạn lịch sử. Có thể đã có những cách hiểu về một nền kinh tế độc lập tự chủ sau đây:

1. Nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội hay thay thế nhập khẩu

Mô hình kinh tế hướng nội hay thay thế nhập khẩu đã tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định: chủ nghĩa thực dân cũ và mới lộng hành, luôn đặt các quốc gia trước nguy cơ bị xâm lăng, sự đối đầu giữa các siêu cường đã gây ra một cuộc chiến tranh lạnh

kéo dài và đặt các quốc gia trước nguy cơ của các cuộc chiến tranh, do vậy để đối phó với những nguy cơ đó một nền kinh tế độc lập tự chủ đã được hiểu là một nền kinh tế có khả năng tự đảm bảo các nhu cầu của đất nước, càng nhiều càng tốt. Một cơ cấu hoàn chỉnh, hoặc tương đối hoàn chỉnh là quốc sách của mô hình này. Trong đó những ngành công nghiệp nặng, đặc biệt là những ngành công nghiệp nền tảng gồm năng lượng, sản xuất các nguyên liệu cơ bản như sắt thép, hoá chất, lọc dầu, xi măng... được đặc biệt chú trọng từ đầu. Quan điểm ưu tiên phát triển công nghiệp nặng đặc biệt là ngành cơ khí, chế tạo máy, cũng chính là quan điểm của mô hình này. Quan điểm cơ cấu ngành của nền kinh tế độc lập tự chủ theo mô hình này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tự đảm bảo các nhu cầu trong nước, dù phải chịu những bất lợi về hiệu quả, và hầu như không tính tới những lợi thế so sánh quốc tế. Nhà nước sẵn sàng xây dựng các nhà máy luyện kim, lọc dầu, hoá chất... để tự đảm bảo nhu cầu trong nước, không kể giá thành cao, cũng không tính tới sự dư thừa các sản phẩm này trong khu vực. Ưu tiên hàng đầu là không phụ thuộc vào bên ngoài. Do vậy Nhà nước phải tìm kiếm các nguồn tài chính, tận thu cao để tăng thu cho ngân sách, phát hành công trái nhiều để vay của dân và cả nước ngoài, vay nợ các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế, các chính phủ, kể cả phải phát hành thêm giấy bạc... Nguồn tài chính trên đây sẽ được chính phủ sử dụng để xây dựng các nhà máy, mua các thiết bị, nguyên vật liệu, v.v... và phải thừa nhận là tình trạng tham nhũng lãng phí thường xảy ra khá nghiêm trọng ngay trong quá trình xây dựng, mua sắm thiết bị. Khi nhà máy được xây cất xong, thì giá thành thực tế của nó đã cao hơn giá thị trường, và đương nhiên nó phải được tính vào chi phí khấu hao của các sản phẩm làm ra.

Thực tế ở nhiều nước cho thấy, những ngành công nghiệp và các xí nghiệp nhà nước này được xây dựng lên thường có công nghệ lạc hậu (vì không dễ gì mua được công nghệ hiện đại, và vì những hành vi tiêu cực của các quan chức chính phủ), sản phẩm làm ra có giá thành cao, chất lượng thấp, không cạnh tranh được với hàng ngoại. Trong tình hình đó Nhà nước buộc phải thi hành chính sách bảo hộ cao: tăng thuế nhập khẩu, cấm nhập khẩu.

Các ngành công nghiệp này chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, nên không có xuất khẩu, không có ngoại tệ trả nợ. Trong tình hình đó Nhà nước phải duy trì giá đồng bạc cao để giảm bớt gánh

nợ nước ngoài. Nhưng đồng nội tệ cao giá lại dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác: làm tăng giá hàng hoá xuất khẩu và giảm giá hàng nhập khẩu, dẫn tới nguy cơ thu hẹp cả thị trường trong nước và quốc tế, và đã thúc ép chính phủ một lần nữa phải thi hành chính sách bảo hộ cao.

Chính sách bảo hộ cao những ngành công nghiệp trong nước đã gây ra những tác hại to lớn khác:

- *Làm tăng giá các hàng hoá trong nước gây thiệt hại cho người tiêu dùng.* Để bảo vệ sản xuất công nghiệp trong nước, phải đánh thuế nhập khẩu cao, làm cho giá hàng nhập khẩu tăng cao, nâng mặt bằng giá cả trong nước luôn cao hơn giá quốc tế. Do vậy nhân dân phải mua các sản phẩm tiêu dùng với giá cao, làm hại lợi ích của họ, đồng thời giảm sức mua, có hại cho cả sản xuất. Người ta đã dẫn ra nhiều ví dụ: nếu nhà nước đánh thuế nhập khẩu 60% vào mặt hàng xe máy, do vậy người tiêu dùng phải mua xe máy đắt lên 60%, và sức mua của dân về xe máy cũng giảm đi 60%, ảnh hưởng đến sản xuất xe máy. Nghĩa là chính sách này đã bảo vệ được lợi ích của một nhóm người sản xuất, thì lại làm hại đến lợi ích của đông đảo người tiêu dùng và cả người sản xuất nữa. Các tính toán về giá trị kinh tế cho thấy là thiệt hại chung cho xã hội đã lớn hơn nhiều so với lợi ích của nhóm người được bảo hộ.

- *Duy trì bảo hộ tình trạng lạc hậu về công nghệ tổ chức quản lý.* Các ngành được bảo hộ cao đã duy trì được mức lợi nhuận đáng ra không có, do vậy họ không cần đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý. Sự lạc hậu kéo dài của các ngành này đã làm cho nền kinh tế đất nước bị tụt hậu xa hơn so với các quốc gia khác.

- *Chính sách bảo hộ cao đã làm méo mó môi trường đầu tư.* Do các ngành được bảo hộ luôn có lợi nhuận cao, ổn định, ít rủi ro, nên các nhà đầu tư đổ xô vào các ngành này, trốn khỏi các ngành phải đối mặt với cạnh tranh quốc tế. Nền kinh tế đất nước sẽ phát triển méo mó thiên lệch về những ngành được bảo hộ, kém hiệu quả. Những ngành này càng ngày càng nhiều đã hình thành ra một nhóm lợi ích chống lại hội nhập quốc tế.

- *Hạn chế việc mở rộng thị trường.* Thực tế cho thấy, một quốc gia càng bảo hộ cao bao nhiêu, thì thị trường của quốc gia đó càng bị thu hẹp bấy nhiêu. Lý do là do bảo hộ cao, nên giá cả các sản phẩm trong nước làm ra cao hơn giá quốc tế, không có khả năng

cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Mặt khác do thuế nhập khẩu cao, giá hàng bên ngoài thấp hơn trong nước, nên tình trạng buôn lậu sẽ phát triển, thường trở thành quốc nạn, không kiểm soát được. Hàng ngoại đã ngấm ngấm chiếm lĩnh thị trường nội địa.

Nền kinh tế độc lập tự chủ với những đặc trưng trên đây của mô hình kinh tế hướng nội, hay thay thế nhập khẩu đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào đầu những năm 60 đã dương cao ngọn cờ của chủ nghĩa chủ thể, đã xây dựng ra được một hệ thống công nghệ tương đối hoàn chỉnh, tự đảm bảo tới trên 90% nhu cầu trong nước, đã làm ra các loại xe tải, máy kéo.... Nhưng tất cả các sản phẩm đó đều có chất lượng thấp, giá thành cao, khó tiêu thụ trong nước và không xuất khẩu được, không có ngoại tệ trả nợ và đã lâm vào tình trạng vỡ nợ. Một điều đáng chú ý nữa là, một khi hệ thống công nghệ hướng nội với công nghệ cũ đã được xây dựng, nó tự tạo ra các quan hệ xã hội, các nhóm lợi ích, những lực lượng bảo vệ nó. Do vậy không dễ gì thay đổi hệ thống này theo các hướng khác.

Một nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội có một đặc trưng quan trọng nhất là tự đảm bảo các nhu cầu thiết yếu trong nước, để không bị lệ thuộc vào bên ngoài từ hoạch định chiến lược chính sách đến các hàng hoá, dịch vụ, cũng không bị tác động từ bên ngoài bởi các chấn động về chính trị, an ninh, kinh tế...

Thực tế thế giới cho thấy đã không có một quốc gia nào đi theo mô hình kinh tế này đạt được những thành công vững chắc, mà hầu hết đều đã hoặc là thất bại, hoặc là phải trả một cái giá rất đắt, hoặc là lâm vào khủng hoảng, suy thoái, trì trệ kéo dài.

Mô hình kinh tế độc lập tự chủ này đã do những điều kiện lịch sử cụ thể quy định. Trong điều kiện lịch sử cụ thể đó khó có thể có một mô hình kinh tế khác. Song sự không thành công của các nền kinh tế độc lập tự chủ trong các mô hình hướng nội không những đã có hại cho các nước kém phát triển, mà cả các nước phát triển cũng bị thiệt hại. Các nước kém phát triển vốn là nơi cung cấp nguyên, nhiên liệu, là thị trường tiêu thụ của các nước phát triển, nay bị rơi vào suy thoái, khủng hoảng, không ổn định, đã tác động tiêu cực đến chính các nền kinh tế phát triển. Đây chính là lý do buộc các

quốc gia phải tìm kiếm một mô hình phát triển khác, một cách hiểu khác về tính độc lập tự chủ của nền kinh tế.

2. Nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Trong vài chục năm gần đây, tình hình thế giới đã có những thay đổi rất quan trọng, theo các hướng chủ yếu sau đây:

a) *Xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển đã ngày càng trở thành xu thế chính* thay cho sự đối đầu giữa các siêu cường, sự xung đột, chạy đua vũ trang giữa hai hệ thống xã hội đối lập; các hình thức chủ nghĩa thực dân cũ và mới, các cuộc chiến tranh xâm lược đã bị lên án khắp nơi. Đây là một điều kiện rất quan trọng giúp cho các quốc gia có thể mở cửa đất nước, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, và do vậy có thể phát triển các quan hệ tuỳ thuộc lẫn nhau. Mô hình kinh tế phát triển trong xu thế hoà bình, hợp tác đang thay thế cho mô hình kinh tế phát triển trong tình trạng đối đầu và chiến tranh lạnh. Một nền kinh tế được xây dựng trong điều kiện phải luôn ứng phó với các cuộc chiến tranh dù là lạnh đã khác hoàn toàn với một nền kinh tế phát triển trong xu thế hoà bình và hợp tác. Một bên phải thực thi chính sách tự cung tự cấp, công nghiệp phải gắn bó với quốc phòng, khi xây dựng các công trình phải tính đến khả năng chịu đựng được chiến tranh tàn phá v.v..., nghĩa là một nền kinh tế có tính chiến tranh chi phí cao, hiệu quả thấp; còn một bên khác thực thi chính sách hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng, lấy việc tăng hiệu quả kinh tế, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế là quốc sách hàng đầu.

b) *Xu thế phát triển công nghệ chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức*

Trong những thập kỷ vừa qua sự phát triển của công nghệ đã có những bước tiến hết sức to lớn trên nhiều mặt, đặc biệt là công nghệ thông tin đang chuyển nền kinh tế thế giới từ một nền kinh tế công nghiệp sang một nền kinh tế tri thức với những đặc trưng nổi bật sau đây:

- Các ngành công nghiệp truyền thống, sản xuất ra các hàng hoá vật chất, kể cả các ngành công nghiệp nặng đang ngày càng kém hiệu quả, mất dần vai trò quan trọng của chúng đối với sự phát triển kinh tế. Trong mấy năm gần đây các sản phẩm không kể

dầu mỏ đã liên tục bị giảm giá, đã giảm giá tới trên 30%, do vậy những ngành này đang lâm vào tình trạng khó khăn ở khắp nơi. Sản phẩm của các ngành này dù đã phải hạ giá tới trên 30% mà vẫn khó bán. Lợi thế về tài nguyên đã ngày càng giảm. Giá của các tài nguyên trong thập kỷ 90 đã giảm 60% so với thập kỷ 70. Lợi thế về các nguồn vốn cũng đã giảm, vì người ta hiện có thể dễ dàng vay được vốn, do thị trường vốn đã được toàn cầu hoá. Trong điều kiện đó những quốc gia phát triển đang muốn chuyển dần các ngành công nghiệp truyền thống tiêu hao nhiều tài nguyên, sử dụng nhiều vốn đã mất lợi thế cạnh tranh sang các nước kém phát triển. Do vậy chính sách của các quốc gia kém phát triển phải tính tới sự chọn lựa xây dựng các ngành này một cách thận trọng.

- Các ngành kinh tế tri thức phát triển với tốc độ cao và hiệu quả.

Trong điều kiện hiện nay, các lợi thế về tài nguyên, nguồn vốn, lao động phổ thông đang giảm dần, và lợi thế về tri thức và kỹ năng đang tăng lên. ở Mỹ tỷ lệ đóng góp của ngành sản xuất điện tử - tin học cho tăng trưởng kinh tế lên đến 45% trong 3 năm qua, còn mức đóng góp của ngành xây dựng và xe hơi vốn là trụ cột của kinh tế Mỹ chỉ còn 14% và 4%. Thời kỳ tăng trưởng cao kéo dài gần 10 năm qua ở Mỹ chính đã dựa vào sự mở rộng các ngành kinh tế tri thức. ở các nước OECD, sản lượng và việc làm đã được mở rộng rõ rệt ở những ngành công nghệ cao, những ngành kinh tế tri thức. Hiện khoảng 50% GDP của các nước OECD là đã dựa trên tri thức. Lợi nhuận của các hãng Intel, Microsoft đã đạt mức 24% doanh thu kéo dài trong nhiều năm, trong khi lợi nhuận của các hãng thuộc các ngành công nghiệp truyền thống chỉ đạt ở mức trên 10% năm, thậm chí còn thấp hơn. Thực tế trên đây cho thấy các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp nặng then chốt vốn được xem là trụ cột của các quốc gia với các ông vua thép, vua dầu lửa, vua ô tô v.v... đang ngày càng lùi vào dĩ vãng, nhường chỗ cho các ngành kinh tế mới - các ngành kinh tế tri thức.

c) Xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng

Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng sẽ dẫn tới hệ quả là: biên giới kinh tế của các quốc gia sẽ ngày càng giảm, do hàng rào thuế quan và phi thuế quan sẽ bị

bãi bỏ dần, một nền kinh tế toàn cầu không biên giới sẽ xuất hiện, các quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia sẽ phát triển, các thể chế kinh tế toàn cầu sẽ hình thành v.v... Trong điều kiện đó, một nền kinh tế muốn không lệ thuộc vào bên ngoài, muốn tự đảm bảo lấy các nhu cầu thiết yếu, chắc chắn là sẽ không có chỗ đứng chân. Một nền kinh tế phát triển hiệu quả sẽ phải là một nền kinh tế gồm những ngành có lợi thế cạnh tranh cao, và đương nhiên là phải tùy thuộc vào thị trường thế giới.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới phát triển với những đặc trưng chủ yếu trên đây, mô hình phát triển kinh tế theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang xuất hiện. Mô hình này khác hẳn mô hình kinh tế hướng nội: một bên lấy thị trường toàn cầu trong đó có thị trường quốc gia làm căn cứ để phát triển các ngành kinh tế có lợi thế cạnh tranh cao; một bên lấy thị trường trong nước, làm căn cứ chính để phát triển những ngành đáp ứng các nhu cầu chủ yếu của đất nước không tính tới các lợi thế cạnh tranh quốc tế. Đương nhiên là việc xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ trong mô hình phát triển kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế cũng khác với cách hiểu độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế hướng nội.

Độc lập tự chủ trong mô hình kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế chấp nhận sự tùy thuộc lẫn nhau trên cơ sở cùng có lợi và bình đẳng trong quan hệ giữa các quốc gia. Sự tùy thuộc lẫn nhau này, diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực từ hoạch định chính sách phát triển, thể chế kinh tế vĩ mô, đến cả sự hình thành các ngành kinh tế, các công ty. Ta hãy lấy Liên minh châu Âu làm ví dụ. Liên minh châu Âu hiện đã có đồng tiền chung, các quốc gia thành viên phải đảm bảo duy trì một mức thâm hụt ngân sách và lạm phát chung, hàng rào thuế quan và phi thuế quan đã hoàn toàn được bãi bỏ, các công ty được tự do kinh doanh trong tất cả các nước thành viên, vốn và lao động được tự do lưu chuyển trong khối v.v... Trên thực tế, các quốc gia thành viên EU đã có các chính sách chung về tiền tệ, thương mại và đầu tư... các ngành kinh tế, các công ty của các quốc gia này đã có sự phân công, liên kết chặt chẽ với nhau. Trong mô hình kinh tế này các quốc gia tuy vẫn có quyền tự chủ, đồng ý tham gia hay không đồng ý tham gia, và khi đã tham gia vẫn còn có quyền tự chủ lựa chọn các ngành kinh tế có lợi thế nhất cho mình, các hình thức kinh doanh, các tổ chức kinh doanh thích hợp, v.v..., nhưng tất cả đều phải tuân thủ các cam kết chung.

Trong mô hình kinh tế trên, các quốc gia không đại gì xây dựng ra một cơ cấu kinh tế hoàn chỉnh, và ngay một ngành hoàn chỉnh cũng không có. Ta có thể lấy ngành sản xuất ô tô làm ví dụ: Không một quốc gia châu Âu nào kể cả Cộng hoà Liên bang Đức có thể sản xuất 100% các linh kiện của ô tô, vì làm như vậy là đại dột, không có hiệu quả. Các quốc gia sản xuất ô tô chỉ sản xuất khoảng 30%-40% linh kiện, những sản phẩm có lợi thế nhất, còn lại họ nhập khẩu của các quốc gia khác. Ngay công ty Boeing của Mỹ cũng đã nhập khẩu hàng loạt linh kiện từ hàng chục quốc gia khác.

Ngay các quốc gia có nhiều ngành công nghiệp nền tảng khá phát triển như Nhật, mà vẫn phụ thuộc vào bên ngoài một cách đáng sợ. Nhật phải nhập 100% dầu mỏ để có ngành hoá dầu, và năng lượng điện, nhập khẩu phần lớn quặng sắt để có ngành luyện kim, nhập khẩu phần lớn bằng phát minh sáng chế để có ngành công nghiệp chế tạo... Nếu có chiến tranh xảy ra, các hoạt động nhập khẩu này chỉ bị ngưng trệ một vài tuần thôi, thì những ngành công nghiệp trên sẽ hoàn toàn tê liệt, và nền kinh tế Nhật làm sao tránh khỏi chấn động và tổn thất. Nếu sợ sự phụ thuộc này, nước Nhật sẽ không thể phát triển được. Nhưng để bù lại, Nhật lại xuất khẩu ô tô, hàng điện tử và nhiều loại hàng chất lượng cao khác, buộc các quốc gia khác lệ thuộc vào Nhật về các mặt hàng này. Chính mối quan hệ lệ thuộc lẫn nhau này đã làm cho kinh tế Nhật có thể đứng vững ngay trong cả cuộc khủng hoảng dầu lửa đã xảy ra trong những năm 70.

Vậy trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế phát triển, một nền kinh tế độc lập tự chủ phải có những chuẩn mực gì? Có ý kiến đã nêu ra quá nhiều chuẩn mực, nào là không lệ thuộc vào bên ngoài trong việc hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển, nào là có thể tự đứng vững, giữ ổn định trước mọi biến động ở bên ngoài, nào là phải giữ được an ninh lương thực, năng lượng, môi trường, đảm bảo có tích lũy, có các ngành công nghiệp nền tảng, có kinh tế vĩ mô ổn định, v.v... Trên thực tế khó có thể có một nền kinh tế độc lập tự chủ lý tưởng như vậy. Đến như nền kinh tế Mỹ, đứng hàng đầu thế giới, hùng mạnh là vậy, cũng không tránh khỏi các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, cũng lệ thuộc nghiêm trọng vào các nguồn nguyên nhiên liệu thị trường của các quốc gia khác, cũng bị các quốc gia khác ép phải mở cửa thị trường, ép phải mua dầu mỏ với giá cao, v.v.. Một nền kinh tế nhỏ như Singapo, chỉ phát

